

THỜI KHÓA BIỂU HỌC HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025_2026
CÁC LỚP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY K15, K16 VÀ K17;
CÁC LỚP ĐẠI HỌC VHVH K8, K9 VÀ K10; CÁC LỚP THẠC SĨ K7 VÀ K8,

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
1. Khoa Khoa học Cơ Bản										
1	ĐHCQ0073	Giáo dục thể chất 2	2,0	ĐHCQ0073_K17.1_LT.6_T H	41	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T7-10);	Dương Khắc Mạnh	Nhà rèn luyện thể chất	K17	
2	ĐHCQ0073	Giáo dục thể chất 2	2,0	ĐHCQ0073_K17.1_LT.8_T H	34	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T8-11);	Dương Khắc Mạnh	Nhà rèn luyện thể chất	K17	
3	ĐHCQ0073	Giáo dục thể chất 2	2,0	ĐHCQ0073_K17.1_LT.1_T H	36	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T2-5);	Nguyễn Xuân Huy	Nhà rèn luyện thể chất	K17	
4	ĐHCQ0073	Giáo dục thể chất 2	2,0	ĐHCQ0073_K17.1_LT.7_T H	31	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T1-4);	Nguyễn Xuân Huy	Nhà rèn luyện thể chất	K17	
5	ĐHCQ0073	Giáo dục thể chất 2	2,0	ĐHCQ0073_K17.1_LT.3_T H	32	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T1-4);	Phạm Thị Thu Hà	Nhà rèn luyện thể chất	K17	
6	ĐHCQ0073	Giáo dục thể chất 2	2,0	ĐHCQ0073_K17.1_LT.4_T H	42	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T8-11);	Phạm Thị Thu Hà	Nhà rèn luyện thể chất	K17	
7	ĐHCQ0073	Giáo dục thể chất 2	2,0	ĐHCQ0073_K17.1_LT.5_T H	40	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T1-4);	Phạm Thị Thu Hà	Nhà rèn luyện thể chất	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
8	ĐHCQ0073	Giáo dục thể chất 2	2,0	ĐHCQ0073_K17.1_LT.2_T H	29	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T8-11);	Trương Công Tuấn	Nhà rèn luyện thể chất	K17	
9	ĐHCQ0073	Giáo dục thể chất 2	2,0	ĐHCQ0073_K17.1_LT.9_T H	35	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T1-4);	Trương Công Tuấn	Nhà rèn luyện thể chất	K17	
10	02HOAHOC101	Hóa học đại cương	2,0	02HOAHOC101_K17.1_LT	32	28/07/25- 21/09/25 - Thứ 6(T1-2); 22/09/25-	Nguyễn Thị Như Hoa; Trương Thị Mỹ Lương	D1-P207	K17	
11	02CHINHTRI304	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,0	02CHINHTRI304_K16.5_L T	58	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T1-2);	Lê Hồ Hiếu	D1-P203	K16	
12	ĐHCQ0139	Luật kinh tế	2,0	ĐHCQ0139_K16.1_LT	58	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T3-4);	Lê Thị Hằng	D1-P304	K16	
13	02CHINHTRI201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,0	02CHINHTRI201_K17.5_L T	41	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T9-10);	Nguyễn Thị Hải Ninh	D1-P201	K17	
14	02CHINHTRI201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,0	02CHINHTRI201_K17.6_L T	46	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T7-8);	Nguyễn Thị Hải Ninh	D1-P205	K17	
15	02CHINHTRI201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,0	02CHINHTRI201_K17.7_L T	49	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T6-7);	Nguyễn Thị Hải Ninh	D1-P205	K17	
16	02KHXXH101	Nhập môn logic học	2,0	02KHXXH101_K16.1_LT	9	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T4-5);	Nguyễn Thị Hải Ninh	D1-P207	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
17	02KHXXH106	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2,0	02KHXXH106_K17.1_LT	7	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T3-4);	Nguyễn Thị Hải Ninh	D1-P206	K17	
18	02CHINHTRI304	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,0	02CHINHTRI304_K16.1_L T	35	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T2-3);	Nguyễn Thị Nhung	D1-P102	K16	
19	02CHINHTRI304	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,0	02CHINHTRI304_K16.2_L T	60	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-7);	Nguyễn Thị Nhung	D1-P204	K16	
20	02CHINHTRI304	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,0	02CHINHTRI304_K16.3_L T	54	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T8-9);	Nguyễn Thị Nhung	D1-P204	K16	
21	02CHINHTRI304	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,0	02CHINHTRI304_K16.4_L T	41	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T4-5);	Nguyễn Thị Nhung	D1-P104	K16	
22	02KHXXH103	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2,0	02KHXXH103_K17.5_LT	43	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T6-7);	Nguyễn Thị Thu Hằng	D1-P202	K17	
23	02KHXXH103	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2,0	02KHXXH103_K17.6_LT	46	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T9-10);	Nguyễn Thị Thu Hằng	D1-P202	K17	
24	02KHXXH103	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2,0	02KHXXH103_K17.7_LT	49	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T8-9);	Nguyễn Thị Thu Hằng	D1-P202	K17	
25	02KHXXH105	Văn hóa kinh doanh	2,0	02KHXXH105_K17.1_LT	33	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T1-2);	Nguyễn Thị Thu Hằng	D1-P205	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
26	02CHINHTRI201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,0	02CHINHTRI201_K17.1_L T	46	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T3-4);	Trần Thị Hoàn	D1-P205	K17	
27	02CHINHTRI201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,0	02CHINHTRI201_K17.2_L T	53	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T1-2);	Trần Thị Hoàn	D1-P205	K17	
28	02CHINHTRI201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,0	02CHINHTRI201_K17.3_L T	45	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T9-10);	Trần Thị Hoàn	D1-P201	K17	
29	02CHINHTRI201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,0	02CHINHTRI201_K17.4_L T	40	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T4-5);	Trần Thị Hoàn	D1-P205	K17	
30	02KHXXH103	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2,0	02KHXXH103_K17.1_LT	44	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T4-5);	Vũ Ngọc Hà	D1-P203	K17	
31	02KHXXH103	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2,0	02KHXXH103_K17.2_LT	53	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T3-4);	Vũ Ngọc Hà	D1-P203	K17	
32	02KHXXH103	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2,0	02KHXXH103_K17.3_LT	45	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T8-9);	Vũ Ngọc Hà	D1-P203	K17	
33	02KHXXH103	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2,0	02KHXXH103_K17.4_LT	40	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T2-3);	Vũ Ngọc Hà	D1-P203	K17	
34	ĐHCQ0289	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD tổng hợp 2	3,0	ĐHCQ0289_K15.1_LT	13	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T1-2);	Bùi Thị Huyền	D1-P305	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
35	ĐHCQ0289	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD tổng hợp 2	3,0	ĐHCQ0289_K15.1_LT.1_T H	13	28/07/25-09/11/25 - Thứ 5(T3-4);	Bùi Thị Huyền	D1-P305	K15	
36	ĐHCQ0284	Tiếng anh chuyên ngành 2 (KETOAN)	2,0	ĐHCQ0284_K15.1_LT	33	28/07/25-09/11/25 - Thứ 3(T3-4);	Đồng Thị An Sinh	D1-P202	K15	
37	ĐHCQ0279	Tiếng Anh chuyên ngành (CNKT Đ-ĐT)	2,0	ĐHCQ0279_K15.1_LT	44	28/07/25-09/11/25 - Thứ 5(T8-9);	Ngô Hải Yến	D1-P301	K15	
38	ĐHCQ0279	Tiếng Anh chuyên ngành (CNKT Đ-ĐT)	2,0	ĐHCQ0279_K16.1_LT	17	28/07/25-09/11/25 - Thứ 5(T6-7);	Ngô Hải Yến	D1-P301	K16	
39	ĐHCQ0278	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ kỹ thuật cơ khí	2,0	ĐHCQ0278_K15.1_LT	35	28/07/25-09/11/25 - Thứ 5(T1-2);	Vũ Thị Thái	D1-P301	K15	
40	ĐHCQ0285	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ thông tin	2,0	ĐHCQ0285_K16.1_LT	14	28/07/25-09/11/25 - Thứ 2(T8-9);	Vũ Thị Thanh Huyền	D1-P205	K16	
41	02TOAN230	Phương pháp tính	2,0	02TOAN230_K17.1_LT	44	28/07/25-09/11/25 - Thứ 2(T6-7);	Bùi Thị Hồng Vân	D1-P101	K17	
42	02TOAN230	Phương pháp tính	2,0	02TOAN230_K17.4_LT	21	28/07/25-09/11/25 - Thứ 6(T8-9);	Hoàng Thị Trang	D1-P207	K17	
43	02TOAN220	Xác suất thống kê	2,0	02TOAN220_K17.1_LT	45	28/07/25-09/11/25 - Thứ 4(T4-5);	Lê Thanh Tuyền	D1-P202	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
44	02TOAN230	Phương pháp tính	2,0	02TOAN230_K17.2_LT	40	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T1-2);	Nguyễn Thanh Huyền	D1-P204	K17	
45	02TOAN230	Phương pháp tính	2,0	02TOAN230_K17.3_LT	41	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T1-2);	Trần Thị Thùy Dung	D1-P204	K17	
46	ĐHCQ0139	Luật kinh tế	2,0	ĐHCQ0139_VLVHK8.1_LT	8	28/07/25- 10/08/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Lê Thị Hằng	PH01	VLVHK8	
47	02CHINHTRI305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,0	02CHINHTRI305_VLVHK1 0.1_LT	11	28/07/25- 10/08/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Trần Thị Hoàn	D1-P206	VLVHK10	
48	02LUAT101	Pháp luật đại cương	2,0	02LUAT101_VLVHK10.1_ LT	11	11/08/25- 24/08/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Lê Thị Hằng; Lê Thị Hằng; Lê Thị Hằng	D1-P206	VLVHK10	
49	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_VLVHK10.1 _LT	11	25/08/25- 28/09/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-9);	Lê Thị Thanh Hoa; Lê Thị Thanh Hoa	D2-P110_Thí nghiệm vật lý	VLVHK10	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
50	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_VLVHK10.1_LT.1_TH	11	25/08/25- 28/09/25 - Chủ nhật(T9-11); Chủ nhật(T6-8);	Lê Thị Thanh Hoa; Lê Thị Thanh Hoa	D2-P110_Thí nghiệm vật lý	VLVHK10	
51	ThCQ0001	Tiếng anh	2,0	ThCQ0001_ThSK8.1_LT	28	18/08/25- 31/08/25 - Thứ 2(T10-11); Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11); Thứ 7(T1-5);	Bùi Thị Huyền	D1-P105	ThSK8	
52	03kmkdh501	Triết học	3,0	03kmkdh501_ThSK8.1_LT	28	28/07/25- 17/08/25 - Thứ 2(T10-11); Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11); Thứ 7(T1-5);	Nguyễn Thị Nhung	D1-P105	ThSK8	

2. Khoa Cơ Khí Động lực

1	ĐHCQ0253	Thực tập tháo lắp chi tiết, cụm chi tiết	2,0	ĐHCQ0253_K16.1_LT.1_TH	18	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T1-4);	Nguyễn Bá Thiện	Phòng thực hành ô tô 1	K16	
---	----------	--	-----	------------------------	----	--------------------------------------	-----------------	------------------------	-----	--

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
2	02DHOTO369	Thực tập điện ô tô F1	3,0	02DHOTO369_K15.1_LT.1_TH	18	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-8); Thứ 3(T9-11);	Nguyễn Bá Thiện; Nguyễn Bá Thiện	Phòng thực hành ô tô 1	K15	
3	02DHOTO369	Thực tập điện ô tô F1	3,0	02DHOTO369_K15.1_LT.2_TH	18	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T6-8); Thứ 4(T9-11);	Nguyễn Bá Thiện; Nguyễn Bá Thiện	Phòng thực hành ô tô 1	K15	
4	02DHOTO301	Nhiên liệu, dầu, mỡ và chất tẩy rửa	2,0	02DHOTO301_K16.1_LT	35	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T8-9);	Nguyễn Sĩ Sơn	D1-P201	K16	
5	02DHOTO356	Động cơ đốt trong F2	2,0	02DHOTO356_K15.1_LT	37	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T4-5);	Nguyễn Sĩ Sơn	D1-P305	K15	
6	02DHOTO360	Kết cấu ô tô F2	2,0	02DHOTO360_K15.1_LT	37	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T4-5);	Nguyễn Sĩ Sơn	D1-P305	K15	
7	02DHOTO361	Lý thuyết ô tô	2,0	02DHOTO361_K16.1_LT	35	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-7);	Nguyễn Sĩ Sơn	D1-P305	K16	
8	ĐHCQ0077	Hệ thống điện thân xe	3,0	ĐHCQ0077_K15.1_LT	37	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T6-8);	Nguyễn Sĩ Sơn	D1-P305	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
9	ĐHCQ0253	Thực tập tháo lắp chi tiết, cụm chi tiết	2,0	ĐHCQ0253_K16.1_LT.2_TH	17	28/07/25-09/11/25 - Thứ 5(T1-4);	Nguyễn Văn Hậu	Phòng thực hành ô tô 1	K16	
10	02DHOTO366	Thực tập gầm ô tô F1	3,0	02DHOTO366_K15.1_LT.1_TH	18	28/07/25-09/11/25 - Thứ 5(T6-8); Thứ 5(T9-11);	Nguyễn Văn Hậu; Nguyễn Văn Hậu	Phòng thực hành ô tô 1	K15	
11	02DHOTO366	Thực tập gầm ô tô F1	3,0	02DHOTO366_K15.1_LT.2_TH	18	28/07/25-09/11/25 - Thứ 6(T6-8); Thứ 6(T9-11);	Nguyễn Văn Hậu; Nguyễn Văn Hậu	Phòng thực hành ô tô 1	K15	
12	02DHOTO309	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2,0	02DHOTO309_K15.1_LT	37	28/07/25-09/11/25 - Thứ 2(T9-10);	Phạm Thị Như Trang	D1-P305	K15	
13	02DHOTO101	Kỹ thuật nhiệt	2,0	02DHOTO101_K17.1_LT	42	28/07/25-09/11/25 - Thứ 3(T6-7);	Lê Quý Chiền	H17 - TH cắt gọt kim loại	K17	
14	02DHOTO101	Kỹ thuật nhiệt	2,0	02DHOTO101_K17.2_LT	27	28/07/25-09/11/25 - Thứ 5(T6-7);	Lê Quý Chiền	H17 - TH cắt gọt kim loại	K17	
15	02KYTHUAT100	Hình họa – vẽ kỹ thuật	3,0	02KYTHUAT100_K17.3_LT	42	28/07/25-09/11/25 - Thứ 2(T2-3);	Bùi Công Viên	D1-P203	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
16	02KYTHUAT100	Hình họa – vẽ kỹ thuật	3,0	02KYTHUAT100_K17.3_L T.1_TH	21	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T1-2);	Bùi Công Viên	Nhà F-F302	K17	
17	02KYTHUAT100	Hình họa – vẽ kỹ thuật	3,0	02KYTHUAT100_K17.3_L T.2_TH	21	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T3-4);	Bùi Công Viên	Nhà F-F302	K17	
18	02KYTHUAT100	Hình họa – vẽ kỹ thuật	3,0	02KYTHUAT100_K17.4_L T	27	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T4-5);	Bùi Công Viên	D1-P207	K17	
19	02KYTHUAT100	Hình họa – vẽ kỹ thuật	3,0	02KYTHUAT100_K17.4_L T.1_TH	27	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T1-2);	Bùi Công Viên	Nhà F-F302	K17	
20	02KYTHUAT100	Hình họa – vẽ kỹ thuật	3,0	02KYTHUAT100_K17.1_L T	44	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T6-7);	Nguyễn Thành Trung	D1-P202	K17	
21	02KYTHUAT100	Hình họa – vẽ kỹ thuật	3,0	02KYTHUAT100_K17.1_L T.1_TH	22	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T6-7);	Nguyễn Thành Trung	Nhà F-F303	K17	
22	02KYTHUAT100	Hình họa – vẽ kỹ thuật	3,0	02KYTHUAT100_K17.1_L T.2_TH	22	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T8-9);	Nguyễn Thành Trung	Nhà F-F303	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
23	02KYTHUAT100	Hình họa – vẽ kỹ thuật	3,0	02KYTHUAT100_K17.2_L T	26	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T8-9);	Nguyễn Thành Trung	D1-P207	K17	
24	02KYTHUAT100	Hình họa – vẽ kỹ thuật	3,0	02KYTHUAT100_K17.2_L T.1_TH	26	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T1-2);	Nguyễn Thành Trung	Nhà F-F303	K17	
25	02KYTHUAT100	Hình họa – vẽ kỹ thuật	3,0	02KYTHUAT100_K17.5_L T	32	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T6-7);	Phạm Thị Như Trang	D1-P202	K17	
26	02KYTHUAT100	Hình họa – vẽ kỹ thuật	3,0	02KYTHUAT100_K17.5_L T.1_TH	16	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T8-9);	Phạm Thị Như Trang	Nhà F-F302	K17	
27	02KYTHUAT100	Hình họa – vẽ kỹ thuật	3,0	02KYTHUAT100_K17.5_L T.2_TH	16	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T6-7);	Phạm Thị Như Trang	Nhà F-F302	K17	
28	02DHCKT109	Cơ học lý thuyết	3,0	02DHCKT109_K17.1_LT	42	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T6-8);	Vi Thị Nhung	D1-P201	K17	
29	02DHCKT109	Cơ học lý thuyết	3,0	02DHCKT109_K17.2_LT	27	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T8-10);	Vi Thị Nhung	D1-P207	K17	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
30	02KTHUAT102	Sức bền vật liệu	2,0	02KTHUAT102_K17.1_LT	42	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T3-4);	Vi Thị Nhung	D1-P201	K17	
31	02KTHUAT102	Sức bền vật liệu	2,0	02KTHUAT102_K17.2_LT	32	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T6-7);	Vi Thị Nhung	D1-P201	K17	
32	ĐHCQ0009	Cơ học kết cấu	2,0	ĐHCQ0009_K16.1_LT	7	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T1-2);	Vi Thị Nhung	D1-P201	K16	
33	ĐHCQ0204	Thiết bị mô	2,0	ĐHCQ0204_K15.1_LT	5	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T8-9);	Bùi Thanh Nhu	H17 - TH cắt gọt kim loại	K15	
34	02DHCOKHI401	Thủy lực - Máy thủy khí	2,0	02DHCOKHI401_K16.1_LT	9	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T8-9);	Đào Đức Hùng	H17 - TH cắt gọt kim loại	K16	
35	02DHKTHUAT107	Công nghệ kim loại	2,0	02DHKTHUAT107_K16.1_LT	8	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T6-7);	Đào Đức Hùng	H17 - TH cắt gọt kim loại	K16	
36	ĐHCQ0222	Thực tập cơ khí (3TC)	3,0	ĐHCQ0222_K16.1_LT.2_TH	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T6-8); Thứ 6(T9-11);	Đào Đức Hùng	H17 - TH cắt gọt kim loại	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
37	02DHCOMAY13 6	Máy xây dựng	2,0	02DHCOMAY136_K16.1_LT	7	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T3-4);	Lê Quý Chiển	H17 - TH cắt gọt kim loại	K16	
38	ĐHCQ0125	Kỹ thuật an toàn và môi trường cơ khí	2,0	ĐHCQ0125_K16.1_LT	35	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T1-2);	Trần Thị Duyên	H17 - TH cắt gọt kim loại	K16	
39	ĐHCQ0222	Thực tập cơ khí (3TC)	3,0	ĐHCQ0222_K16.1_LT.1_T H	18	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T6-8); Thứ 4(T9-11);	Lê Quý Chiển; Lê Quý Chiển	H17 - TH cắt gọt kim loại	K16	
40	ĐHCQ0014	Công nghệ CAD/CAM/CNC	2,0	ĐHCQ0014_K16.1_LT	8	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T8-9);	Nguyễn Mạnh Hùng	H17 - TH cắt gọt kim loại	K16	
41	02DHKTHUAT10 5	Dung sai - Kỹ thuật đo	2,0	02DHKTHUAT105_K17.1_ LT	42	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T1-2);	Phạm Quang Tiến	H17 - TH cắt gọt kim loại	K17	
42	02DHKTHUAT10 5	Dung sai - Kỹ thuật đo	2,0	02DHKTHUAT105_K17.2_ LT	27	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T3-4);	Phạm Quang Tiến	H17 - TH cắt gọt kim loại	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
43	ĐHCQ0010	Cơ học lý thuyết	2,0	ĐHCQ0010_VLVHK9.1_LT	24	25/08/25- 07/09/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Vi Thị Nhung	Online	VLVHK9	
44	02DHKTHUAT10 7	Công nghệ kim loại	2,0	02DHKTHUAT107_VLVH K9.1_LT	10	28/07/25- 10/08/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Phạm Quang Tiến	PH04	VLVHK9	
45	02maymo200	Nguyên lý máy – Chi tiết máy	2,0	02maymo200_VLVHK9.1_L T	6	11/08/25- 24/08/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Phạm Thị Như Trang	P205	VLVHK9	
46	02maymo200	Nguyên lý máy – Chi tiết máy	2,0	02maymo200_VLVHK9.2_L T	8	17/11/25- 30/11/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Phạm Thị Như Trang	PH03	VLVHK9	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
47	02DHCOKHI401	Thủy lực - Máy thủy khí	2,0	02DHCOKHI401_VLVHK9.1_LT	6	06/10/25-19/10/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Trần Thị Duyên	H17 - TH cắt gọt kim loại	VLVHK9	
48	02DHCOKHI401	Thủy lực - Máy thủy khí	2,0	02DHCOKHI401_VLVHK9.2_LT	8	08/09/25-21/09/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Đặng Đình Huy	PH03	VLVHK9	
49	02DHKTUAT105	Dung sai - Kỹ thuật đo	2,0	02DHKTUAT105_VLVHK10.1_LT	11	10/11/25-23/11/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Trần Đình Hương	D1-P206	VLVHK10	
50	02KYTHUAT100	Hình họa – vẽ kỹ thuật	3,0	02KYTHUAT100_VLVHK10.1_LT	11	13/10/25-09/11/25 - Thứ 7(T1-4); Thứ 7(T6-9);	Phạm Thị Như Trang	D1-P206	VLVHK10	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
51	02KYTHUAT100	Hình họa – vẽ kỹ thuật	3,0	02KYTHUAT100_VLVHK1 0.1_LT.1_TH	11	13/10/25- 09/11/25 - Chủ nhật(T1-4); Chủ nhật(T6-9);	Bùi Công Viên	Nhà F-F302	VLVHK10	

3. Khoa Công nghệ thông tin

1	ĐHCQ0008	Chuyên đề tiên tiến về CNTT	2,0	ĐHCQ0008_K15.1_LT	33	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T1-1);	Đặng Đình Đức	D2-P108_Thực hành IOT	K15	
2	ĐHCQ0008	Chuyên đề tiên tiến về CNTT	2,0	ĐHCQ0008_K15.1_LT.1_T H	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T2-3);	Đặng Đình Đức	D2-P108_Thực hành IOT	K15	
3	ĐHCQ0008	Chuyên đề tiên tiến về CNTT	2,0	ĐHCQ0008_K15.1_LT.2_T H	16	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T4-5);	Đặng Đình Đức	D2-P108_Thực hành IOT	K15	
4	02DHKHMT146	Lập trình nâng cao	3,0	02DHKHMT146_K17.1_LT	22	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T2-3);	Đoàn Thùy Dương	D1-P206	K17	
5	02DHKHMT146	Lập trình nâng cao	3,0	02DHKHMT146_K17.1_LT. 1_TH	22	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T4-5);	Đoàn Thùy Dương	Nhà F-F302	K17	

(Signature)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
6	ĐHCQ0129	Kỹ thuật lập trình C	3,0	ĐHCQ0129_K17.2_LT.1_TH	20	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T3-5);	Đoàn Thùy Dương	Nhà F-F303	K17	
7	02DHTIENGVIET105	Tiếng Việt chuyên ngành	4,0	02DHTIENGVIET105_K16.1_LT	5	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T1-4);	Lê Thị Phương	D1-P303	K16	
8	ĐHCQ0081	Hệ thống thông tin quản lý	3,0	ĐHCQ0081_K16.1_LT	6	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T2-3);	Lê Thị Phương	D1-P306	K16	
9	ĐHCQ0081	Hệ thống thông tin quản lý	3,0	ĐHCQ0081_K16.1_LT.1_TH	6	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T4-5);	Lê Thị Phương	Nhà F-F301	K16	
10	ĐHCQ0129	Kỹ thuật lập trình C	3,0	ĐHCQ0129_K17.1_LT	40	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T1-2);	Nguyễn Phương Thảo	D1-P203	K17	
11	ĐHCQ0129	Kỹ thuật lập trình C	3,0	ĐHCQ0129_K17.1_LT.1_TH	20	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T3-5);	Nguyễn Phương Thảo	Nhà F-F302	K17	
12	ĐHCQ0129	Kỹ thuật lập trình C	3,0	ĐHCQ0129_K17.1_LT.2_TH	20	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-8);	Nguyễn Phương Thảo	Nhà F-F302	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
13	ĐHCQ0129	Kỹ thuật lập trình C	3,0	ĐHCQ0129_K17.2_LT	41	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T1-2);	Nguyễn Phương Thảo	D1-P203	K17	
14	02DHKGMT102	Cơ sở dữ liệu	3,0	02DHKGMT102_K17.1_LT	22	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T1-3);	Nguyễn Thị Thúy Chinh	D1-P207	K17	
15	ĐHCQ0129	Kỹ thuật lập trình C	3,0	ĐHCQ0129_K17.2_LT.2_T H	21	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T6-8);	Nguyễn Thị Thúy Chinh	Nhà F-F303	K17	
16	ĐHCQ0160	Phân tích thiết kế hướng đối tượng UML	3,0	ĐHCQ0160_K16.1_LT	20	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T2-3);	Nguyễn Thị Thúy Chinh	D2-P108_Thực hành IOT	K16	
17	ĐHCQ0160	Phân tích thiết kế hướng đối tượng UML	3,0	ĐHCQ0160_K16.1_LT.1_T H	20	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T4-5);	Nguyễn Thị Thúy Chinh	D2-P108_Thực hành IOT	K16	
18	02DHMCNPM11 2	Đảm bảo và an toàn thông tin	3,0	02DHMCNPM112_K16.1_L T	19	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T1-2);	Đặng Đình Đức	D1-P308	K16	
19	02DHMCNPM11 2	Đảm bảo và an toàn thông tin	3,0	02DHMCNPM112_K16.1_L T.1_TH	19	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T3-4);	Đặng Đình Đức	Nhà F-THTIN02	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
20	ĐHCQ0142	Mạng máy tính và truyền thông	3,0	ĐHCQ0142_K17.1_LT	22	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T6-7);	Đặng Đình Đức	D1-P206	K17	
21	ĐHCQ0142	Mạng máy tính và truyền thông	3,0	ĐHCQ0142_K17.1_LT.1_T H	22	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T8-9);	Đặng Đình Đức	D2-P108_Thực hành IOT	K17	
22	ĐHCQ0277	Thương mại điện tử	3,0	ĐHCQ0277_K15.1_LT	33	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T6-7);	Đoàn Thùy Dương	D1-P203	K15	
23	ĐHCQ0277	Thương mại điện tử	3,0	ĐHCQ0277_K15.1_LT.1_T H	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T8-9);	Đoàn Thùy Dương	Nhà F-F302	K15	
24	ĐHCQ0277	Thương mại điện tử	3,0	ĐHCQ0277_K15.1_LT.2_T H	16	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T10-11);	Đoàn Thùy Dương	Nhà F-F302	K15	
25	02DHMCNPM10 4	Công nghệ phần mềm	3,0	02DHMCNPM104_K15.1_L T	33	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T3-5);	Lê Thị Phương	D1-P206	K15	
26	02DHMCNPM11 4	Quản trị dự án tin học	3,0	02DHMCNPM114_K15.1_L T	33	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T6-8);	Lê Thị Phương	D1-P203	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
27	ĐHCQ0084	Học máy	3,0	ĐHCQ0084_K15.1_LT	33	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T9-10);	Nguyễn Hồng Quân	D1-P306	K15	
28	ĐHCQ0084	Học máy	3,0	ĐHCQ0084_K15.1_LT.1_T H	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T1-2);	Nguyễn Hồng Quân	D2-P108_Thực hành IOT	K15	
29	ĐHCQ0084	Học máy	3,0	ĐHCQ0084_K15.1_LT.2_T H	16	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T3-4);	Nguyễn Hồng Quân	D2-P108_Thực hành IOT	K15	
30	ĐHCQ0154	Ngôn ngữ lập trình Python	3,0	ĐHCQ0154_K16.1_LT	19	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T6-7);	Nguyễn Hồng Quân	D2-P108_Thực hành IOT	K16	
31	ĐHCQ0154	Ngôn ngữ lập trình Python	3,0	ĐHCQ0154_K16.1_LT.1_T H	19	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T8-9);	Nguyễn Hồng Quân	D2-P108_Thực hành IOT	K16	
32	02DHMCNPM14 4	Lập trình winform	4,0	02DHMCNPM144_K16.1_L T	20	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T1-3);	Nguyễn Huy Hoàng	D1-P202	K16	
33	02DHMCNPM14 4	Lập trình winform	4,0	02DHMCNPM144_K16.1_L T.1_TH	20	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T4-5);	Nguyễn Huy Hoàng	Nhà F-F302	K16	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
34	ĐHCQ0161	Phát triển ứng dụng web	3,0	ĐHCQ0161_K15.1_LT	33	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T1-1);	Nguyễn Huy Hoàng	D1-P201	K15	
35	ĐHCQ0161	Phát triển ứng dụng web	3,0	ĐHCQ0161_K15.1_LT.1_T H	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T2-5);	Nguyễn Huy Hoàng	D2-P108_Thực hành IOT	K15	
36	ĐHCQ0161	Phát triển ứng dụng web	3,0	ĐHCQ0161_K15.1_LT.2_T H	16	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-9);	Nguyễn Huy Hoàng	D2-P108_Thực hành IOT	K15	
37	02DHMCNPM14 3	Bảo trì máy tính	2,0	02DHMCNPM143_K17.1_L T	22	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T2-3);	Nguyễn Phương Thảo	D1-P207	K17	
38	02DHMCNPM14 3	Bảo trì máy tính	2,0	02DHMCNPM143_K17.1_L T.1_TH	22	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T4-5);	Nguyễn Phương Thảo	Nhà F-THTIN01	K17	
39	ĐHCQ0155	Nguyên lý hệ điều hành	2,0	ĐHCQ0155_K16.1_LT	20	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T6-7);	Nguyễn Thị Thúy Chinh	D1-P206	K16	
40	02DHMCNPM13 8	Nhập môn thiết kế game	3,0	02DHMCNPM138_K15.1_L T	33	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 7(T2-3);	Trần Văn Liêm	D1-P301	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
41	02DHMCNPM138	Nhập môn thiết kế game	3,0	02DHMCNPM138_K15.1_L T.1_TH	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 7(T4-5);	Trần Văn Liêm	D2-P108_Thực hành IOT	K15	
42	02DHMCNPM138	Nhập môn thiết kế game	3,0	02DHMCNPM138_K15.1_L T.2_TH	16	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 7(T6-7);	Trần Văn Liêm	D2-P108_Thực hành IOT	K15	
43	ĐHCQ0081	Hệ thống thông tin quản lý	3,0	ĐHCQ0081_VLVHK8.1_LT	8	01/09/25- 21/09/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10);	Đặng Đình Đức	PH01	VLVHK8	
44	ĐHCQ0081	Hệ thống thông tin quản lý	3,0	ĐHCQ0081_VLVHK8.1_LT .1_TH	8	01/09/25- 21/09/25 - Chủ nhật(T1-5); Chủ nhật(T6-10);	Đặng Đình Đức	PH01	VLVHK8	
45	ThCQ0017	Năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo	2,0	ThCQ0017_ThSK8.1_LT	28	10/11/25- 23/11/25 - Thứ 2(T10-11); Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11);	Nguyễn Hồng Quân	D1-P105	ThSK8	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
46	ThCQ0017	Năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo	2,0	ThCQ0017_ThSK8.1_LT.1_TH	28	10/11/25-23/11/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Nguyễn Hồng Quân	D1-P105	ThSK8	

4. Khoa Điện

1	ĐHCQ0004	Bảo hộ lao động và kỹ thuật An toàn điện	2,0	ĐHCQ0004_K16.1_LT	41	28/07/25-09/11/25 - Thứ 6(T8-9);	Bùi Duy Khuông	D1-P305	K16	
2	02DHDKH211	Cung cấp điện	3,0	02DHDKH211_K15.1_LT	45	28/07/25-09/11/25 - Thứ 4(T1-3);	Đỗ Văn Vang	D1-P306	K15	
3	02dien392	Điện khí hoá xí nghiệp	2,0	02dien392_K17.1_LT	5	28/07/25-09/11/25 - Thứ 2(T4-5);	Đỗ Văn Vang	D1-P306	K17	
4	ĐHCQ0052	Đồ án cung cấp điện	1,0	ĐHCQ0052_K15.1_LT.1_TH	45	28/07/25-09/11/25 - Thứ 4(T4-5);	Đỗ Văn Vang	D1-P306	K15	
5	02DHDKH113	Bảo vệ rơle và tự động hoá	2,0	02DHDKH113_K15.1_LT	32	28/07/25-09/11/25 - Thứ 2(T8-9);	Đoàn Thị Bích Thủy	D1-P206	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
6	02DHDKH113	Bảo vệ role và tự động hoá	2,0	02DHDKH113_K15.2_LT	39	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T1-2);	Đoàn Thị Bích Thủy	D1-P206	K15	
7	02DHDKH115	Kỹ thuật chiếu sáng	2,0	02DHDKH115_K15.1_LT	45	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T4-5);	Đoàn Thị Bích Thủy	D1-P203	K15	
8	ĐHCQ0005	Bảo vệ role	2,0	ĐHCQ0005_K15.1_LT	45	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T6-7);	Đoàn Thị Bích Thủy	D1-P301	K15	
9	ĐHCQ0198	Thí nghiệm bảo vệ role	1,0	ĐHCQ0198_K15.1_LT.1_T H	22	01/09/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-8);	Đoàn Thị Bích Thủy	D2-P505_Phòng thực hành bảo vệ rơ le	K15	
10	ĐHCQ0198	Thí nghiệm bảo vệ role	1,0	ĐHCQ0198_K15.1_LT.2_T H	23	01/09/25- 09/11/25 - Thứ 4(T6-8);	Đoàn Thị Bích Thủy	D2-P505_Phòng thực hành bảo vệ rơ le	K15	
11	02DIEN323	Thực hành máy điện - truyền động điện	2,0	02DIEN323_K15.1_LT.4_T H	19	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T1-4);	Ngô Văn Hà	D2-P406_Phòng TH máy điện - Truyền động điện	K15	
12	ĐHCQ0147	Máy điện chuyên ngành Công nghệ Cơ điện	3,0	ĐHCQ0147_K16.1_LT	8	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T3-5);	Ngô Văn Hà	D1-P307	K16	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
13	ĐHCQ0199	Thí nghiệm máy điện- truyền động điện	2,0	ĐHCQ0199_K16.1_LT.1_T H	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T6-9);	Ngô Văn Hà	D2-P406_Phòng TH máy điện - Truyền động điện	K16	
14	ĐHCQ0308	Trang bị điện	3,0	ĐHCQ0308_K15.1_LT	45	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T1-3);	Ngô Văn Hà	D1-P303	K15	
15	02DIEN323	Thực hành máy điện - truyền động điện	2,0	02DIEN323_K15.1_LT.1_T H	32	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T6-9);	Nguyễn Thị Thương Duyên	D2-P406_Phòng TH máy điện - Truyền động điện	K15	
16	02DIEN323	Thực hành máy điện - truyền động điện	2,0	02DIEN323_K15.1_LT.3_T H	20	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T6-9);	Nguyễn Thị Thương Duyên	D2-P406_Phòng TH máy điện - Truyền động điện	K15	
17	ĐHCQ0146	Máy điện chuyên ngành CNKTD	4,0	ĐHCQ0146_K16.1_LT	54	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T1-4);	Nguyễn Thị Thương Duyên	D1-P301	K16	
18	ĐHCQ0157	Phần điện trong nhà máy điện	2,0	ĐHCQ0157_K15.1_LT	45	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T4-5);	Nguyễn Thị Thương Duyên	D1-P102	K15	
19	ĐHCQ0187	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	2,0	ĐHCQ0187_K17.1_LT	5	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-7);	Đỗ Văn Vang	D1-P307	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
20	ĐHCQ0202	Thiết bị điện ứng dụng trong phân phối điện	2,0	ĐHCQ0202_K16.1_LT	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T8-9);	Đỗ Văn Vang	D1-P307	K16	
21	02dientu470	Rô bốt công nghiệp	3,0	02dientu470_K15.1_LT	12	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T6-7);	Đỗ Thị Hoa	D1-P307	K15	
22	02dientu470	Rô bốt công nghiệp	3,0	02dientu470_K16.1_LT	8	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T8-9);	Đỗ Thị Hoa	D1-P307	K16	
23	ĐHCQ0071	Giải tích mạch điện	5,0	ĐHCQ0071_K17.1_LT	32	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T3-5);	Đỗ Thị Hoa	D1-P101	K17	
24	ĐHCQ0071	Giải tích mạch điện	5,0	ĐHCQ0071_K17.1_LT.1_T H	32	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T6-9);	Đỗ Thị Hoa	D2-P306_Phòng thực hành mạch điện	K17	
25	ĐHCQ0131	Kỹ thuật robot	3,0	ĐHCQ0131_K16.1_LT	41	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T1-2);	Đỗ Thị Hoa	D1-P202	K16	
26	02DHDientu103	Giải tích mạch điện	4,0	02DHDientu103_K17.1_LT.1 _TH	22	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T9-10);	Đoàn Thị Như Quỳnh	D2-P306_Phòng thực hành mạch điện	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
27	02DHDientu103	Giải tích mạch điện	4,0	02DHDientu103_K17.1_LT.2_TH	22	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T1-2);	Đoàn Thị Như Quỳnh	D2-P306_Phòng thực hành mạch điện	K17	
28	02DHDientu103	Giải tích mạch điện	4,0	02DHDientu103_K17.3_LT.1_TH	20	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T6-7);	Đoàn Thị Như Quỳnh	D2-P306_Phòng thực hành mạch điện	K17	
29	02DHDientu103	Giải tích mạch điện	4,0	02DHDientu103_K17.3_LT.2_TH	20	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T8-9);	Đoàn Thị Như Quỳnh	D2-P306_Phòng thực hành mạch điện	K17	
30	02DHDIENTU506	Đo lường điện - điện tử	3,0	02DHDIENTU506_K17.1_LT	44	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T2-3);	Đoàn Thị Như Quỳnh	D1-P201	K17	
31	02DHDIENTU506	Đo lường điện - điện tử	3,0	02DHDIENTU506_K17.1_LT.1_TH	22	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T2-3);	Đoàn Thị Như Quỳnh	I2_TH đo lường - điện tử	K17	
32	02DHDIENTU506	Đo lường điện - điện tử	3,0	02DHDIENTU506_K17.1_LT.2_TH	22	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T4-5);	Đoàn Thị Như Quỳnh	I2_TH đo lường - điện tử	K17	
33	02DHDIENTU506	Đo lường điện - điện tử	3,0	02DHDIENTU506_K17.2_LT	21	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T4-5);	Đoàn Thị Như Quỳnh	D1-P207	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
34	02DHDIENTU506	Đo lường điện - điện tử	3,0	02DHDIENTU506_K17.2_L T.1_TH	21	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-7);	Đoàn Thị Như Quỳnh	I2_TH đo lường - điện tử	K17	
35	02dientu470	Rô bốt công nghiệp	3,0	02dientu470_K15.1_LT.1_T H	12	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T6-7);	Lê Quyết Thắng	D2-P208_Thực hành Robot công nghiệp	K15	
36	02dientu470	Rô bốt công nghiệp	3,0	02dientu470_K16.1_LT.1_T H	8	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T6-7);	Lê Quyết Thắng	D2-P208_Thực hành Robot công nghiệp	K16	
37	ĐHCQ0131	Kỹ thuật robot	3,0	ĐHCQ0131_K16.1_LT.1_T H	21	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T1-2);	Lê Quyết Thắng	D2-P208_Thực hành Robot công nghiệp	K16	
38	ĐHCQ0131	Kỹ thuật robot	3,0	ĐHCQ0131_K16.1_LT.2_T H	20	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T3-4);	Lê Quyết Thắng	D2-P208_Thực hành Robot công nghiệp	K16	
39	ĐHCQ0209	Thiết kế mạch tích hợp	4,0	ĐHCQ0209_K15.1_LT.1_T H	12	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T1-5); Thứ 6(T8-10);	Lê Quyết Thắng	I2_TH đo lường - điện tử	K15	
40	02DHDientu103	Giải tích mạch điện	4,0	02DHDientu103_K17.1_LT	44	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-8);	Nguyễn Thị Trang	D1-P202	K17	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
41	02DHdientu103	Giải tích mạch điện	4,0	02DHdientu103_K17.2_LT	21	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T8-10);	Nguyễn Thị Trang	D1-P202	K17	
42	02DHdientu103	Giải tích mạch điện	4,0	02DHdientu103_K17.3_LT	40	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T3-5);	Nguyễn Thị Trang	D1-P202	K17	
43	02DHdientu103	Giải tích mạch điện	4,0	02DHdientu103_K17.4_LT	41	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T6-8);	Nguyễn Thị Trang	D1-P202	K17	
44	02DHDDT221	Điện tử tương tự	3,0	02DHDDT221_K17.1_LT	32	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-7);	Trần Thị Thơm	D1-P207	K17	
45	02DHDDT221	Điện tử tương tự	3,0	02DHDDT221_K17.1_LT.1 _TH	32	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T8-9);	Trần Thị Thơm	D1-P306	K17	
46	02DHdientu103	Giải tích mạch điện	4,0	02DHdientu103_K17.2_LT.1 _TH	21	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T3-4);	Trần Thị Thơm	D2-P306_Phòng thực hành mạch điện	K17	
47	02DHdientu103	Giải tích mạch điện	4,0	02DHdientu103_K17.4_LT.1 _TH	20	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T1-2);	Trần Thị Thơm	D2-P306_Phòng thực hành mạch điện	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
48	02DHDientu103	Giải tích mạch điện	4,0	02DHDientu103_K17.4_LT.2_TH	21	28/07/25-09/11/25 - Thứ 3(T3-4);	Trần Thị Thơm	D2-P306_Phòng thực hành mạch điện	K17	
49	02DHDIENTU512	Kỹ thuật Audio - Video	3,0	02DHDIENTU512_K15.1_LT	12	28/07/25-09/11/25 - Thứ 2(T2-3);	Trần Thị Thơm	D2-P307_Phòng thực hành Điện tử - Kỹ thuật số	K15	
50	02DHDIENTU512	Kỹ thuật Audio - Video	3,0	02DHDIENTU512_K15.1_LT.1_TH	12	28/07/25-09/11/25 - Thứ 2(T4-5);	Trần Thị Thơm	D2-P307_Phòng thực hành Điện tử - Kỹ thuật số	K15	
51	02DHDIENTU212	Điện tử tương tự - điện tử số	3,0	02DHDIENTU212_K17.1_LT	40	28/07/25-09/11/25 - Thứ 3(T9-10);	Trần Văn Thương	D1-P205	K17	
52	02DHDIENTU212	Điện tử tương tự - điện tử số	3,0	02DHDIENTU212_K17.1_LT.1_TH	20	28/07/25-09/11/25 - Thứ 5(T6-7);	Trần Văn Thương	D2-P307_Phòng thực hành Điện tử - Kỹ thuật số	K17	
53	02DHDIENTU212	Điện tử tương tự - điện tử số	3,0	02DHDIENTU212_K17.1_LT.2_TH	20	28/07/25-09/11/25 - Thứ 5(T8-9);	Trần Văn Thương	D2-P307_Phòng thực hành Điện tử - Kỹ thuật số	K17	
54	02DHDIENTU212	Điện tử tương tự - điện tử số	3,0	02DHDIENTU212_K17.2_LT	41	28/07/25-09/11/25 - Thứ 2(T2-3);	Trần Văn Thương	D1-P201	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
55	02DHDIENTU212	Điện tử tương tự - điện tử số	3,0	02DHDIENTU212_K17.2_L T.1_TH	20	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T4-5);	Trần Văn Thương	D2-P208_Thực hành Robot công nghiệp	K17	
56	02DHDIENTU212	Điện tử tương tự - điện tử số	3,0	02DHDIENTU212_K17.2_L T.2_TH	21	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-7);	Trần Văn Thương	D2-P208_Thực hành Robot công nghiệp	K17	
57	ĐHCQ0030	Điện tử căn bản	3,0	ĐHCQ0030_K17.1_LT	22	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T6-7);	Trần Văn Thương	D1-P205	K17	
58	ĐHCQ0030	Điện tử căn bản	3,0	ĐHCQ0030_K17.1_LT.1_T H	22	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T8-9);	Trần Văn Thương	D2-P307_Phòng thực hành Điện tử - Kỹ thuật số	K17	
59	ĐHCQ0134	Kỹ thuật xung - số	4,0	ĐHCQ0134_K16.1_LT	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T6-7);	Trần Văn Thương	D1-P206	K16	
60	ĐHCQ0134	Kỹ thuật xung - số	4,0	ĐHCQ0134_K16.1_LT.1_T H	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T8-9);	Trần Văn Thương	D2-P307_Phòng thực hành Điện tử - Kỹ thuật số	K16	
61	02laptrinh302	Điều khiển lập trình (plc)	3,0	02laptrinh302_K16.1_LT.1_ TH	23	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T2-3);	Bùi Thị Thêm	11_TH Lập trình PLC và Scada	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
62	02laptrinh302	Điều khiển lập trình (plc)	3,0	02laptrinh302_K16.1_LT.2_TH	31	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T4-5);	Bùi Thị Thêm	11_TH Lập trình PLC và Scanda	K16	
63	02laptrinh302	Điều khiển lập trình (plc)	3,0	02laptrinh302_K16.2_LT.1_TH	21	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T6-7);	Bùi Thị Thêm	11_TH Lập trình PLC và Scanda	K16	
64	02laptrinh302	Điều khiển lập trình (plc)	3,0	02laptrinh302_K16.2_LT.2_TH	28	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T8-9);	Bùi Thị Thêm	11_TH Lập trình PLC và Scanda	K16	
65	ĐHCQ0036	Điều khiển quá trình + Đồ án	3,0	ĐHCQ0036_K15.1_LT	32	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T4-5);	Bùi Thị Thêm	D1-P303	K15	
66	ĐHCQ0036	Điều khiển quá trình + Đồ án	3,0	ĐHCQ0036_K15.1_LT.1_TH	32	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T2-3);	Bùi Thị Thêm	11_TH Lập trình PLC và Scanda	K15	
67	ĐHCQ0036	Điều khiển quá trình + Đồ án	3,0	ĐHCQ0036_K15.2_LT	39	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T2-3);	Bùi Thị Thêm	D1-P303	K15	
68	ĐHCQ0036	Điều khiển quá trình + Đồ án	3,0	ĐHCQ0036_K15.2_LT.1_TH	39	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T4-5);	Bùi Thị Thêm	11_TH Lập trình PLC và Scanda	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
69	02tdhoa210	Kỹ thuật cảm biến	3,0	02tdhoa210_K16.1_LT.2_T H	20	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T4-5);	Đỗ Thị Hoa	D2-P207_Thực hành kỹ thuật cảm biến	K16	
70	02DHTDH514	Vi xử lý - vi điều khiển	2,0	02DHTDH514_K16.1_LT	8	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T6-7);	Lâm Thị Huyền	D1-P308	K16	
71	02tdhoa330	Vi xử lý - Vi điều khiển	3,0	02tdhoa330_K15.1_LT	12	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-7);	Lâm Thị Huyền	D1-P308	K15	
72	02tdhoa330	Vi xử lý - Vi điều khiển	3,0	02tdhoa330_K15.1_LT.1_T H	12	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T2-3);	Lâm Thị Huyền	D2-P109_Phòng TH Vi xử - Vi điều khiển	K15	
73	02TDHOA213	Truyền động điện	2,0	02TDHOA213_K16.1_LT	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T2-3);	Nguyễn Thị Mến	D1-P104	K16	
74	ĐHCQ0303	Tổng hợp hệ điện cơ	3,0	ĐHCQ0303_K15.1_LT	32	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T4-5);	Nguyễn Thị Mến	D1-P304	K15	
75	ĐHCQ0303	Tổng hợp hệ điện cơ	3,0	ĐHCQ0303_K15.1_LT.1_T H	32	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T2-3);	Nguyễn Thị Mến	I3_TH điện tử công suất	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
76	ĐHCQ0303	Tổng hợp hệ điện cơ	3,0	ĐHCQ0303_K15.2_LT	39	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T2-3);	Nguyễn Thị Mến	D1-P304	K15	
77	ĐHCQ0303	Tổng hợp hệ điện cơ	3,0	ĐHCQ0303_K15.2_LT.1_T H	39	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T4-5);	Nguyễn Thị Mến	13_TH điện tử công suất	K15	
78	ĐHCQ0312	Truyền động điện	3,0	ĐHCQ0312_K16.1_LT	41	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-7);	Nguyễn Thị Mến	D1-P201	K16	
79	02laptrinh302	Điều khiển lập trình (plc)	3,0	02laptrinh302_K15.1_LT	12	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T4-5);	Nguyễn Thị Phúc	D1-P303	K15	
80	02laptrinh302	Điều khiển lập trình (plc)	3,0	02laptrinh302_K15.1_LT.1_ TH	12	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T4-5);	Nguyễn Thị Phúc	11_TH Lập trình PLC và Scada	K15	
81	02laptrinh302	Điều khiển lập trình (plc)	3,0	02laptrinh302_K16.1_LT	54	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-7);	Nguyễn Thị Phúc	D1-P303	K16	
82	02laptrinh302	Điều khiển lập trình (plc)	3,0	02laptrinh302_K16.2_LT	49	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T8-9);	Nguyễn Thị Phúc	D1-P303	K16	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
83	02tdhoa210	Kỹ thuật cảm biến	3,0	02tdhoa210_K16.1_LT.1_T H	21	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T2-3);	Nguyễn Thị Trang	D2-P207_Thực hành kỹ thuật cảm biến	K16	
84	ĐHCQ0312	Truyền động điện	3,0	ĐHCQ0312_K16.1_LT.1_T H	21	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T6-7);	Nguyễn Thu Hương	D2-P109_Phòng TH Vi xử - Vi điều khiển	K16	
85	ĐHCQ0312	Truyền động điện	3,0	ĐHCQ0312_K16.1_LT.2_T H	20	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T8-9);	Nguyễn Thu Hương	D2-P109_Phòng TH Vi xử - Vi điều khiển	K16	
86	02TDHOA340	Điện tử công suất	3,0	02TDHOA340_K16.1_LT	46	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T2-3);	Nguyễn Văn Trung	D1-P305	K16	
87	02TDHOA340	Điện tử công suất	3,0	02TDHOA340_K16.2_LT	25	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T4-5);	Nguyễn Văn Trung	D1-P203	K16	
88	02TDHOA340	Điện tử công suất	3,0	02TDHOA340_K16.2_LT.1 _TH	25	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T4-5);	Nguyễn Văn Trung	I3_TH điện tử công suất	K16	
89	ĐHCQ0078	Hệ thống điều khiển điện - khí nén và thủy lực	2,0	ĐHCQ0078_K15.1_LT	32	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T8-9);	Nguyễn Văn Trung	D1-P305	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
90	ĐHCQ0078	Hệ thống điều khiển điện - khí nén và thủy lực	2,0	ĐHCQ0078_K15.2_LT	39	28/07/25-09/11/25 - Thứ 6(T6-7);	Nguyễn Văn Trung	D1-P305	K15	
91	02DHTDH516	Tự động hóa quá trình công nghệ	2,0	02DHTDH516_K15.1_LT	32	28/07/25-09/11/25 - Thứ 6(T6-7);	Trần Đức Quý	D1-P304	K15	
92	02DHTDH516	Tự động hóa quá trình công nghệ	2,0	02DHTDH516_K15.2_LT	39	28/07/25-09/11/25 - Thứ 6(T8-9);	Trần Đức Quý	D1-P304	K15	
93	02DHTDH536	Điều khiển lập trình PLC nâng cao	2,0	02DHTDH536_K15.1_LT	32	28/07/25-09/11/25 - Thứ 2(T2-3);	Trần Ngân Hà	D1-P304	K15	
94	02DHTDH536	Điều khiển lập trình PLC nâng cao	2,0	02DHTDH536_K15.2_LT	39	28/07/25-09/11/25 - Thứ 2(T4-5);	Trần Ngân Hà	D1-P304	K15	
95	02tdhoa210	Kỹ thuật cảm biến	3,0	02tdhoa210_K16.1_LT	41	28/07/25-09/11/25 - Thứ 3(T3-4);	Trần Ngân Hà	D1-P204	K16	
96	ĐHCQ0215	Thực hành PLC	2,0	ĐHCQ0215_K15.1_LT.1_T H	32	28/07/25-09/11/25 - Thứ 4(T6-9);	Trần Ngân Hà	D2-P109_Phòng TH Vi xử - Vi điều khiển	K15	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
97	ĐHCQ0215	Thực hành PLC	2,0	ĐHCQ0215_K15.1_LT.3_TH	39	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-9);	Trần Ngân Hà	11_TH Lập trình PLC và Scada	K15	
98	ĐHCQ0316	Ứng dụng tin học trong thiết kế mạch điều khiển	2,0	ĐHCQ0316_K16.1_LT	41	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T6-6);	Trần Ngân Hà	D1-P304	K16	
99	ĐHCQ0316	Ứng dụng tin học trong thiết kế mạch điều khiển	2,0	ĐHCQ0316_K16.1_LT.1_TH	21	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T7-8);	Trần Ngân Hà	11_TH Lập trình PLC và Scada	K16	
100	ĐHCQ0316	Ứng dụng tin học trong thiết kế mạch điều khiển	2,0	ĐHCQ0316_K16.1_LT.2_TH	20	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T9-10);	Trần Ngân Hà	11_TH Lập trình PLC và Scada	K16	
101	02TDHOA340	Điện tử công suất	3,0	02TDHOA340_K16.1_LT.1_TH	23	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T6-7);	Trần Thị Thơm	13_TH điện tử công suất	K16	
102	02TDHOA340	Điện tử công suất	3,0	02TDHOA340_K16.1_LT.2_TH	23	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T8-9);	Trần Thị Thơm	13_TH điện tử công suất	K16	
103	02DHTDH154	Cơ sở tự động hóa	2,0	02DHTDH154_VLVHK9.1_LT	10	11/08/25- 24/08/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Nguyễn Thị Phúc	PH04	VLVHK9	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
104	02TDHOA340	Điện tử công suất	3,0	02TDHOA340_VLVHK9.1_LT	10	15/09/25- 12/10/25 - Thứ 7(T1-4); Thứ 7(T6-9);	Nguyễn Văn Trung	PH04	VLVHK9	
105	02TDHOA340	Điện tử công suất	3,0	02TDHOA340_VLVHK9.1_LT.1_TH	10	15/09/25- 12/10/25 - Chủ nhật(T1-4); Chủ nhật(T6-9);	Nguyễn Văn Trung	PH04	VLVHK9	
106	02DHDIENTU21 2	Điện tử tương tự - điện tử số	3,0	02DHDIENTU212_VLVHK 9.1_LT	10	13/10/25- 09/11/25 - Thứ 7(T1-4); Thứ 7(T6-9);	Lê Quyết Thắng	PH04	VLVHK9	
107	02DHDIENTU21 2	Điện tử tương tự - điện tử số	3,0	02DHDIENTU212_VLVHK 9.1_LT.1_TH	10	13/10/25- 09/11/25 - Chủ nhật(T1-4); Chủ nhật(T6-9);	Lê Quyết Thắng	PH04	VLVHK9	

5. Khoa Kinh tế

1	02ketoan360	Kiểm toán căn bản	2,0	02ketoan360_K16.1_LT	35	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T1-2);	Đỗ Thị Mơ	D1-P204	K16	
2	ĐHCQ0091	Kế toán chi phí	3,0	ĐHCQ0091_K15.1_LT	37	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T1-3);	Đỗ Thị Mơ	D1-P306	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
3	02ketoan360	Kiểm toán căn bản	2,0	02ketoan360_K15.1_LT	14	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T2-3);	Hoàng Thị Thúy	D1-P106	K15	
4	ĐHCQ0158	Phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp(KETOAN)	4,0	ĐHCQ0158_K15.1_LT	37	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T1-2); Thứ 4(T1-2);	Hoàng Thị Thúy	D1-P306; D1-P305	K15	
5	02DHQTKD104	Toán kinh tế	3,0	02DHQTKD104_K17.1_LT	33	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T6-8);	Lương Văn Tộ	D1-P203	K17	
6	02DHKETOAN14 7	Kiểm toán báo cáo tài chính	3,0	02DHKETOAN147_K15.1_ LT	37	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T2-4);	Nguyễn Thanh Hằng	D1-P105	K15	
7	ĐHCQ0089	Kế toán 3	3,0	ĐHCQ0089_K16.1_LT	35	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T6-8);	Nguyễn Thanh Hằng	D1-P306	K16	
8	ĐHCQ0023	Đề án kế toán DN vừa và nhỏ	2,0	ĐHCQ0023_K15.1_LT.1_T H	37	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-9);	Nguyễn Thị Thom	D1-P301	K15	
9	ĐHCQ0098	Kế toán tài chính I	3,0	ĐHCQ0098_K16.1_LT	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T2-3);	Nguyễn Thị Thom	D1-P206	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
10	ĐHCQ0098	Kế toán tài chính I	3,0	ĐHCQ0098_K16.1_LT.1_TH	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T4-5);	Nguyễn Thị Thơm	D1-P206	K16	
11	ĐHCQ0096	Kế toán quản trị	3,0	ĐHCQ0096_K15.1_LT	14	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T1-2);	Nguyễn Thị Thu Hằng (Kế Toán)	D1-P308	K15	
12	ĐHCQ0096	Kế toán quản trị	3,0	ĐHCQ0096_K15.1_LT.1_TH	14	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T6-7);	Nguyễn Thị Thu Hằng (Kế Toán)	D1-P308	K15	
13	ĐHCQ0301	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	2,0	ĐHCQ0301_K15.1_LT	37	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T4-5);	Nguyễn Thị Thu Hằng (Kế Toán)	D1-P206	K15	
14	ĐHCQ0087	Kế toán I	3,0	ĐHCQ0087_K17.1_LT	26	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T2-4);	Trần Thị Mây	D1-P205	K17	
15	ĐHCQ0095	Kế toán máy	3,0	ĐHCQ0095_K15.1_LT	37	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T5-5);	Trần Thị Mây	D1-P306	K15	
16	ĐHCQ0095	Kế toán máy	3,0	ĐHCQ0095_K15.1_LT.1_TH	20	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T2-5);	Trần Thị Mây	Nhà F-F302	K15	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
17	ĐHCQ0095	Kế toán máy	3,0	ĐHCQ0095_K15.1_LT.2_TH	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T6-9);	Trần Thị Mây	Nhà F-F303	K15	
18	ĐHCQ0021	Đề án kế toán 2	2,0	ĐHCQ0021_K16.1_LT.1_TH	35	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T2-5);	Vũ Thị Phượng	D1-P103	K16	
19	02DHQTKD101	Thống kê doanh nghiệp	2,0	02DHQTKD101_K16.1_LT	52	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T1-2);	Bùi Thị Thúy Hằng	D1-P201	K16	
20	02KINHTE100	Kinh tế học đại cương	2,0	02KINHTE100_K16.1_LT	35	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T6-7);	Bùi Thị Thúy Hằng	D1-P204	K16	
21	02quantri421	Quản trị chi phí kinh doanh	3,0	02quantri421_K15.1_LT	19	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T8-10);	Bùi Thị Thúy Hằng	D1-P204	K15	
22	02tke310	Thống kê doanh nghiệp	3,0	02tke310_K16.1_LT	6	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T3-5);	Bùi Thị Thúy Hằng	D1-P201	K16	
23	02KINHTE100	Kinh tế học đại cương	2,0	02KINHTE100_K16.2_LT	25	28/07/25- 14/12/25 - Thứ 6(T8-9);	Đặng Thị Thu Giang	D1-P204	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
24	02KINHTE100	Kinh tế học đại cương	2,0	02KINHTE100_K16.3_LT	54	28/07/25- 14/12/25 - Thứ 6(T1-2);	Đặng Thị Thu Giang	D1-P301	K16	
25	02KINHTE100	Kinh tế học đại cương	2,0	02KINHTE100_K16.4_LT	41	28/07/25- 14/12/25 - Thứ 6(T6-7);	Đặng Thị Thu Giang	D1-P301	K16	
26	02quantri301	Quan trị học	2,0	02quantri301_K17.1_LT	26	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T6-7);	Đặng Thị Thu Giang	D1-P204	K17	
27	ĐHCQ0174	Quan trị học	3,0	ĐHCQ0174_K17.1_LT	13	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T8-10);	Đặng Thị Thu Giang	D1-P204	K17	
28	02DHQTKD106	Quản trị kinh doanh quốc tế	2,0	02DHQTKD106_K15.1_LT	19	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T2-3);	Lê Xuân Hương	D1-P308	K15	
29	02quantri311	Quản trị kinh doanh	2,0	02quantri311_K15.1_LT	12	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T9-10);	Nguyễn Thị Mơ	D1-P306	K15	
30	02quantri311	Quản trị kinh doanh	2,0	02quantri311_K16.1_LT	42	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T4-5);	Nguyễn Thị Mơ	D1-P301	K16	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
31	02quantri311	Quản trị kinh doanh	2,0	02quantri311_K16.2_LT	54	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T1-2);	Nguyễn Thị Mơ	D1-P301	K16	
32	02quantri311	Quản trị kinh doanh	2,0	02quantri311_K17.1_LT	5	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T2-3);	Nguyễn Thị Mơ	D1-P301	K17	
33	ĐHCQ0144	Marketing căn bản	3,0	ĐHCQ0144_K16.1_LT	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T6-8);	Nguyễn Thị Mơ	D1-P306	K16	
34	ĐHCQ0117	Khởi nghiệp	2,0	ĐHCQ0117_K17.1_LT	42	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T1-2);	Phí Thị Thanh Huyền	D1-P202	K17	
35	ĐHCQ0117	Khởi nghiệp	2,0	ĐHCQ0117_K17.2_LT	27	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T3-4);	Phí Thị Thanh Huyền	D1-P202	K17	
36	ĐHCQ0171	Quản trị cung ứng dịch vụ	3,0	ĐHCQ0171_K15.1_LT	19	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T2-3);	Phí Thị Thanh Huyền	D1-P202	K15	
37	02kinhte102	Kinh tế vĩ mô	3,0	02kinhte102_K17.1_LT	46	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-8);	Trần Thị Thanh Hương	D1-P203	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
38	02tke201	Nguyên lý thống kê	3,0	02tke201_K17.1_LT	13	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T2-4);	Trần Thị Thanh Hương	D1-P204	K17	
39	ĐHCQ0170	Quản trị chất lượng	2,0	ĐHCQ0170_K17.1_LT	13	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T3-4);	Trần Thị Thanh Hương	D1-P204	K17	
40	ĐHCQ0179	Quản trị Marketing	2,0	ĐHCQ0179_K16.1_LT	6	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T1-2);	Trần Thị Thanh Hương	D1-P205	K16	
41	02DHQTKD107	Kỹ năng quản trị	2,0	02DHQTKD107_K17.1_LT	13	28/07/25- 16/11/25 - Thứ 4(T6-7);	Trần Thị Thu Lan	D1-P205	K17	
42	02KINHTE100	Kinh tế học đại cương	2,0	02KINHTE100_K16.5_LT	35	28/07/25- 14/12/25 - Thứ 4(T8-9);	Trần Thị Thu Lan	D1-P301	K16	
43	ĐHCQ0159	Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh	4,0	ĐHCQ0159_K15.1_LT	19	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-8);	Trần Thị Thu Lan	D1-P305	K15	
44	ĐHCQ0159	Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh	4,0	ĐHCQ0159_K15.1_LT.1_T H	19	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T9-10);	Trần Thị Thu Lan	D1-P305	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
45	ĐHCQ0185	Quản trị tài chính doanh nghiệp	4,0	ĐHCQ0185_K15.1_LT	19	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T1-3);	Trần Thị Thu Lan	D1-P205	K15	
46	ĐHCQ0185	Quản trị tài chính doanh nghiệp	4,0	ĐHCQ0185_K15.1_LT.1_T H	19	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T4-5);	Trần Thị Thu Lan	D1-P205	K15	
47	02DHTCHINH10 7	Thuế	3,0	02DHTCHINH107_K16.1_L T	41	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T3-5);	Lãnh Thị Hòa	D1-P306	K16	
48	02DHTchinh221	Toán tài chính	3,0	02DHTchinh221_K16.1_LT	35	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T8-10);	Lãnh Thị Hòa	D1-P206	K16	
49	02DHKETOAN14 2	Tài chính tiền tệ	2,0	02DHKETOAN142_K17.1_ LT	26	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T1-2);	Lê Xuân Hương	D1-P307	K17	
50	ĐHCQ0192	Tài chính quốc tế	3,0	ĐHCQ0192_K16.1_LT	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T3-5);	Lê Xuân Hương	D1-P307	K16	
51	02DHKETOAN13 1	Phân tích tài chính doanh nghiệp	4,0	02DHKETOAN131_K15.1_ LT	14	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T1-3);	Nguyễn Phương Thúy	D1-P305	K15	
52	02DHKETOAN13 1	Phân tích tài chính doanh nghiệp	4,0	02DHKETOAN131_K15.1_ LT.1_TH	14	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T4-5);	Nguyễn Phương Thúy	D1-P305	K15	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
53	02tchinh370	Định giá tài sản	4,0	02tchinh370_K15.1_LT	14	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T1-3);	Nguyễn Phương Thủy	D1-P308	K15	
54	02tchinh370	Định giá tài sản	4,0	02tchinh370_K15.1_LT.1_T H		28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T4-5);	Nguyễn Phương Thủy	D1-P308	K15	
55	ĐHCQ0180	Quản trị ngân hàng thương mại	3,0	ĐHCQ0180_K16.1_LT	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T6-7);	Nguyễn Thị Thương Huyền	D1-P206	K16	
56	ĐHCQ0180	Quản trị ngân hàng thương mại	3,0	ĐHCQ0180_K16.1_LT.1_T H	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T8-9);	Nguyễn Thị Thương Huyền	D1-P206	K16	
57	ĐHCQ0189	Tài chính doanh nghiệp 1	3,0	ĐHCQ0189_K16.1_LT	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T6-7);	Nguyễn Thị Thương Huyền	D1-P308	K16	
58	ĐHCQ0189	Tài chính doanh nghiệp 1	3,0	ĐHCQ0189_K16.1_LT.1_T H	17	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T8-9);	Nguyễn Thị Thương Huyền	D1-P308	K16	
59	ĐHCQ0191	Tài chính doanh nghiệp 3	3,0	ĐHCQ0191_K15.1_LT	14	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T8-10);	Nguyễn Thị Thương Huyền	D1-P308	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
60	ĐHCQ0184	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	2,0	ĐHCQ0184_K15.1_LT	14	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-7);	Nguyễn Thị Thùy	D1-P205	K15	
61	ĐHCQ0276	Thuế	4,0	ĐHCQ0276_K17.1_LT	7	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T1-3);	Nguyễn Thị Thùy	D1-P307	K17	
62	ĐHCQ0276	Thuế	4,0	ĐHCQ0276_K17.1_LT.1_T H	7	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T4-5);	Nguyễn Thị Thùy	D1-P307	K17	
63	ĐHCQ0293	Tin học ứng dụng (chuyên ngành tài chính doanh nghiệp)	3,0	ĐHCQ0293_K17.1_LT	7	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T2-3);	Nguyễn Thị Thùy	D1-P207	K17	
64	ĐHCQ0293	Tin học ứng dụng (chuyên ngành tài chính doanh nghiệp)	3,0	ĐHCQ0293_K17.1_LT.1_T H	7	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T4-5);	Nguyễn Thị Thùy	Nhà F-F301	K17	
65	02DHQTKD103	Hành vi tổ chức	2,0	02DHQTKD103_VLVHK8. 1_LT	8	27/10/25- 09/11/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Nguyễn Thị Mơ	PH01	VLVHK8	
66	ĐHCQ0181	Quản trị nhân lực	3,0	ĐHCQ0181_VLVHK8.1_LT	8	22/09/25- 12/10/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10);	Đặng Thị Thu Giang	PH01	VLVHK8	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
67	ĐHCQ0181	Quản trị nhân lực	3,0	ĐHCQ0181_VLVHK8.1_LT .1_TH	8	22/09/25- 12/10/25 - Chủ nhật(T1-5); Chủ nhật(T6-10);	Đặng Thị Thu Giang	PH01	VLVHK8	
68	ĐHCQ0182	Quản trị rủi ro	2,0	ĐHCQ0182_VLVHK8.1_LT	8	13/10/25- 26/10/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Bùi Thị Thúy Hằng	PH01	VLVHK8	
69	ĐHCQ0186	Quản trị văn phòng	3,0	ĐHCQ0186_VLVHK8.1_LT	8	10/11/25- 30/11/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Phí Thị Thanh Huyền	PH01	VLVHK8	
70	02tke310	Thống kê doanh nghiệp	3,0	02tke310_VLVHK8.1_LT	8	11/08/25- 31/08/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Trần Thị Thanh Hương	PH01	VLVHK8	
71	ĐHCQ0117	Khởi nghiệp	2,0	ĐHCQ0117_VLVHK10.1_L T	11	29/09/25- 12/10/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Phí Thị Thanh Huyền	D1-P206	VLVHK10	

6. Khoa Mỏ và Công trình



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
1	ĐHCQ0017	Công nghệ khai thác mỏ hầm lò	3,0	ĐHCQ0017_K15.1_LT	5	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T3-5);	Hồ Trung Sỹ	D1-P204	K15	
2	ĐHCQ0298	Tin học ứng dụng ngành kỹ thuật mỏ	3,0	ĐHCQ0298_K15.1_LT	5	28/07/25- 21/09/25 - Thứ 6(T1-2); 22/09/25- 09/11/25 - Thứ 5(T3-4);	Vũ Đình Trọng; Hoàng Văn Nam	D1-P206	K15	
3	ĐHCQ0298	Tin học ứng dụng ngành kỹ thuật mỏ	3,0	ĐHCQ0298_K15.1_LT.1_T H	5	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T3-4); 28/07/25- 21/09/25 - Thứ 6(T3-4);	Hoàng Văn Nam; Vũ Đình Trọng	Nhà F-F303	K15	
4	02hamlo422	Nguyên lý thiết kế mỏ hầm lò	2,0	02hamlo422_K15.1_LT	5	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T3-4);	Hoàng Văn Nghị	D1-P204	K15	
5	ĐHCQ0124	Kỹ thuật an toàn mỏ	3,0	ĐHCQ0124_K15.1_LT	5	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 5(T6-8);	Nguyễn Mạnh Tường	D1-P307	K15	
6	02lothien330	Khoan nổ mìn	3,0	02lothien330_K16.1_LT	9	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T3-5);	Nguyễn Văn Đức	D1-P307	K16	
7	02DHHAMLO207	Tham quan mỏ	2,0	02DHHAMLO207_K16.1_L T.1_TH	9	10/11/25- 30/11/25	Phạm Thu Hiền	TT ngoài Tr	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
8	02DHLOTHIEN147	Khai thác vật liệu xây dựng	2,0	02DHLOTHIEN147_K15.1_LT	5	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T1-2);	Phạm Thu Hiền	D1-P204	K15	
9	02DIACHAT202	Đại cương về trái đất	2,0	02DIACHAT202_K15.1_LT	5	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 3(T6-7);	Lê Thị Bình Minh	D1-P308	K15	
10	02TRACDIA140	Trắc địa mô	2,0	02TRACDIA140_K16.1_LT	9	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T6-7);	Ngô Thị Hải	D1-P207	K16	
11	ĐHCQ0273	Thực tập trắc địa	2,0	ĐHCQ0273_K16.1_LT.1_T H	9	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T6-9);	Nguyễn Thị Mai Anh	D2-P205_Phòng TH Trắc địa	K16	
12	02DHXDM128	Cơ sở thiết kế cấu tạo công trình ngầm	2,0	02DHXDM128_K16.1_LT	7	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 4(T6-7);	Đỗ Xuân Huỳnh	D1-P307	K16	
13	02XDUNG434	Cơ học đá	3,0	02XDUNG434_K16.1_LT	7	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T6-7);	Vũ Ngọc Thuận	D1-P207	K16	
14	02XDUNG434	Cơ học đá	3,0	02XDUNG434_K16.1_LT.1 _TH	7	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 6(T8-9);	Vũ Ngọc Thuận	M2 - Cơ lý Đá	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
15	02XDUNG413	Vật liệu xây dựng	3,0	02XDUNG413_K16.1_LT	7	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T6-7);	Vũ Thị Ngọc	D1-P204	K16	
16	02XDUNG413	Vật liệu xây dựng	3,0	02XDUNG413_K16.1_LT.1 _TH	7	28/07/25- 09/11/25 - Thứ 2(T8-9);	Vũ Thị Ngọc	M2 - Cơ lý Đá	K16	
17	02DHLOTHIEN1 09	Các quá trình sản xuất mỏ lộ thiên	3,0	02DHLOTHIEN109_VLVH K8.1_LT	9	08/09/25- 28/09/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Nguyễn Văn Đức	D1-P207	VLVHK8	
18	02DHXDM106	Đào chống lò	3,0	02DHXDM106_VLVHK8.1 _LT	9	29/09/25- 19/10/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Phạm Quang Thành	D1-P207	VLVHK8	
19	02hamlo330	Kỹ thuật thông gió và thoát nước mỏ	3,0	02hamlo330_VLVHK8.1_L T	9	28/07/25- 17/08/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Hoàng Văn Nghị	D1-P207	VLVHK8	
20	ĐHCQ0151	Mở vỉa và khai thác hầm lò	3,0	ĐHCQ0151_VLVHK8.1_LT	9	18/08/25- 07/09/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Trần Văn Duyệt	D1-P207	VLVHK8	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
21	02DHLOTHIEN118	Quy trình công nghệ và thiết kế mô lộ thiên	2,0	02DHLOTHIEN118_VLVHK8.1_LT	9	20/10/25-02/11/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Vũ Đình Trọng	D1-P207	VLVHK8	
22	02XDUNG434	Cơ học đá	3,0	02XDUNG434_VLVHK9.1_LT	6	08/09/25-05/10/25 - Thứ 7(T1-4); Thứ 7(T6-9);	Vũ Đức Quyết	D2-P205_Phòng TH Trắc địa	VLVHK9	
23	02XDUNG434	Cơ học đá	3,0	02XDUNG434_VLVHK9.2_LT	8	28/07/25-24/08/25 - Thứ 7(T1-4); Thứ 7(T6-9);	Vũ Đức Quyết	PH03	VLVHK9	
24	02XDUNG434	Cơ học đá	3,0	02XDUNG434_VLVHK9.1_LT.1_TH	6	08/09/25-05/10/25 - Chủ nhật(T1-4); Chủ nhật(T6-9);	Vũ Đức Quyết	D2-P205_Phòng TH Trắc địa	VLVHK9	
25	02XDUNG434	Cơ học đá	3,0	02XDUNG434_VLVHK9.2_LT.1_TH	8	28/07/25-24/08/25 - Chủ nhật(T1-4); Chủ nhật(T6-9);	Vũ Đức Quyết	PH03	VLVHK9	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
26	ĐHCQ0027	Địa chất mỏ	2,0	ĐHCQ0027_VLVHK9.1_LT	6	20/10/25- 02/11/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Nguyễn Thị Thu Hường	D1-P205	VLVHK9	
27	ĐHCQ0027	Địa chất mỏ	2,0	ĐHCQ0027_VLVHK9.2_LT	8	22/09/25- 05/10/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Nguyễn Thị Thu Hường	PH03	VLVHK9	
28	ĐHCQ0223	Thực tập địa chất	2,0	ĐHCQ0223_VLVHK9.1_LT .1_TH	6	03/11/25- 30/11/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Lê Thị Bình Minh	D2-P404_Phòng thực hành địa chất	VLVHK9	
29	ĐHCQ0223	Thực tập địa chất	2,0	ĐHCQ0223_VLVHK9.2_LT .1_TH	8	06/10/25- 02/11/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Lê Thị Bình Minh	PH03	VLVHK9	
30	02TRACDIA140	Trắc địa mỏ	2,0	02TRACDIA140_VLVHK9. 1_LT	6	28/07/25- 10/08/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Trần Xuân Thủy	D1-P205	VLVHK9	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
31	02TRACDIA140	Trắc địa mô	2,0	02TRACDIA140_VLVHK9.2_LT	8	03/11/25-16/11/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Trần Xuân Thủy	PH03	VLVHK9	
32	03KMBP537	Công nghệ đào chống lò tiên tiến	3,0	03KMBP537_ThSK7.1_LT	29	11/08/25-31/08/25 - Thứ 2(T10-11); Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11); Thứ 7(T1-5);	Đỗ Xuân Huỳnh	D1-P106	ThSK7	
33	03KMCK534	Công nghệ tiên tiến trong khai thác mỏ hầm lò	2,0	03KMCK534_ThSK7.1_LT	29	28/07/25-10/08/25 - Thứ 2(T10-11); Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11); Thứ 7(T1-5);	Tạ Văn Kiên	D1-P106	ThSK7	
34	03KMĐM540	Đánh giá tác động môi trường và cải tạo phục hồi môi trường trong dự án đầu tư khai thác mỏ	3,0	03KMĐM540_ThSK7.1_LT	29	29/09/25-26/10/25 - Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11);	Khuong Phúc Lợi	D1-P106	ThSK7	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
35	03KMĐM540	Đánh giá tác động môi trường và cải tạo phục hồi môi trường trong dự án đầu tư khai thác mỏ	3,0	03KMĐM540_ThSK7.1_LT.1_TH	29	29/09/25- 26/10/25 - Thứ 7(T1-4); Thứ 7(T6-9);	Hoàng Hùng Thắng	D1-P106	ThSK7	
36	ThCQ0008	Mô hình hóa thân khoáng sàng trong khai thác mỏ	3,0	ThCQ0008_ThSK7.1_LT	29	01/09/25- 28/09/25 - Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11);	Vũ Đình Trọng	D1-P106	ThSK7	
37	ThCQ0008	Mô hình hóa thân khoáng sàng trong khai thác mỏ	3,0	ThCQ0008_ThSK7.1_LT.1_TH	29	01/09/25- 28/09/25 - Thứ 7(T1-4); Thứ 7(T6-9);	Vũ Đình Trọng	D1-P106	ThSK7	
38	03KMNK518	Nâng cao chất lượng khoáng sản mỏ lộ thiên	3,0	03KMNK518_ThSK7.1_LT	29	27/10/25- 16/11/25 - Thứ 2(T10-11); Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11); Thứ 7(T1-5);	Nguyễn Tô Hoài	D1-P106	ThSK7	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
39	ThCQ0002	Cơ học đá ứng dụng trong khai thác mỏ	2,0	ThCQ0002_ThSK8.1_LT	19	29/09/25- 12/10/25 - Thứ 2(T10-11); Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11); 06/10/25- 12/10/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-9);	Vũ Đức Quyết	D1-P105	ThSK8	
40	ThCQ0003	Đồng bộ hóa công tác vận tải mỏ	2,0	ThCQ0003_ThSK8.1_LT	19	15/09/25- 28/09/25 - Thứ 2(T10-11); Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11); Thứ 7(T1-5);	Khuong Phúc Lợi	D1-P105	ThSK8	
41	ThCQ0005	Hoàn thiện sơ đồ mở vỉa và chuẩn bị ruộng mỏ	2,0	ThCQ0005_ThSK8.1_LT	19	27/10/25- 09/11/25 - Thứ 2(T10-11); Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11); Thứ 7(T1-5);	Phạm Đức Thang	D1-P105	ThSK8	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
42	03KMNP505	Nâng cao hiệu quả phá vỡ đất đá bằng khoan - nổ mìn trong khai thác mỏ	2,0	03KMNP505_ThSK8.1_LT	19	01/09/25- 14/09/25 - Thứ 2(T10-11); Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11); Thứ 7(T1-2);	Nguyễn Tô Hoài	D1-P105	ThSK8	
43	03KMNP505	Nâng cao hiệu quả phá vỡ đất đá bằng khoan - nổ mìn trong khai thác mỏ	2,0	03KMNP505_ThSK8.1_LT.1_TH	19	01/09/25- 14/09/25 - Thứ 7(T3-5); Thứ 7(T6-10);	Nguyễn Tô Hoài	D1-P105	ThSK8	
44	ThCQ0004	Ứng dụng phần mềm tin học chuyên ngành khai thác mỏ	2,0	ThCQ0004_ThSK8.1_LT	19	13/10/25- 26/10/25 - Thứ 2(T10-11); Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11);	Nguyễn Ngọc Minh	D1-P105	ThSK8	
45	ThCQ0004	Ứng dụng phần mềm tin học chuyên ngành khai thác mỏ	2,0	ThCQ0004_ThSK8.1_LT.1_TH	19	13/10/25- 26/10/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	Nguyễn Ngọc Minh	D1-P105	ThSK8	

7. Bộ môn Thực hành Cơ - điện



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Khóa	Ghi chú
1	02DHDIE103	Thực tập máy điện	2,0	02DHDIE103_K15.1_LT.2_TH	23	28/07/25- 21/09/25 - Thứ 6(T6-9); 22/09/25- 09/11/25 - Thứ 6(T6-9);	Nguyễn Thu Hương; Lưu Bình	H5- TH Máy điện	K15	
2	02DHDIE103	Thực tập máy điện	2,0	02DHDIE103_K15.1_LT.1_TH	22	28/07/25- 21/09/25 - Thứ 6(T1-4); 22/09/25- 09/11/25 - Thứ 6(T1-4);	Phạm Anh Mai; Vũ Hữu Quảng	H5- TH Máy điện	K15	

Nơi nhận:

- Giám hiệu 02;
- Các đơn vị trong toàn trường;
- Giảng đường;
- Lưu VT, ĐT (03).



KT/Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng

TS. Phạm Đức Thang

Trưởng Phòng Đào tạo

TS. Nguyễn Văn Thấn

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 7 năm 2025

Người lập

Bùi Duy Khuông